TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27/9/2018
"V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia.
2. Bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Khê tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/5/2018 "V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Tuyết N; địa chỉ: Tổ C, phường AT, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tô Hồng P; địa chỉ: Tổ Đ, phường AT, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N trình bày:* Chị N và anh Nguyễn Tô Hồng P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường TS, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo giấy chứng nhận kết hôn số 31/2016 ngày 26/4/2016. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh P thường xuyên bỏ nhà đi, không có trách nhiệm đến vợ con. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị N đã nhiều lần bỏ qua nhưng anh P cũng

không khắc phục được. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, nên không thể kéo dài cuộc sống chung với nhau được. Do vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Tô Hồng P.

- Về con chung: Chị N và anh P có 02 con chung là Nguyễn Y và Nguyễn Ph. Chị N có nguyện vọng được nuôi 02 cháu và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Tô Hồng P trình bày:* Anh P và chị N kết hôn với nhau đúng như chị N trình bày. Trong quá trình chung sống anh và chị N có phát sinh mâu thuẫn, mỗi lần cãi nhau thì chị N đòi ly hôn. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý và muốn kéo dài thêm thời gian để suy nghĩ, nhưng chị N cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án quyết định.

- Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là Nguyễn Y và Nguyễn Ph. Nếu phải ly hôn thì anh P yêu cầu được nuôi cháu Y và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Khê phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Xét thấy, tình cảm vợ chồng chị N và anh P không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh P. Về con chung: Xét thấy chị N có đủ khả năng lao động để nuôi dạy con cái, các con còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của chị N, nên giao các cháu Y và Ph cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về án phí, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tô Hồng P; địa chỉ cư trú: Tổ Đ, phường AT, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã AK, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tô Hồng P tự nguyện tìm hiểu, có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị N và anh P đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị N có đơn yêu cầu Tòa án giải

quyết cho ly hôn với anh P. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải giải nhưng anh P không đến, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng với chị N. Tại phiên tòa, anh P không đồng ý ly hôn, nhưng cả hai đều không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống với nhau, chị N vẫn cương quyết ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng chị N vẫn cương quyết ly hôn với anh P. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tuyết N đối với anh Nguyễn Tô Hồng P.

[3] Về nuôi con chung: Chị N và anh P có 02 con chung là Nguyễn Y và Nguyễn Ph. Chị N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Anh P cũng có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Y. Xét thấy, chị N có khả năng lao động, có nơi cư trú ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con và vì lợi ích của các cháu hiện nay còn nhỏ cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nguyễn Y và Nguyễn Ph là phù hợp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Tô Hồng P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Tuyết N.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Tuyết N được ly hôn với anh Nguyễn Tô Hồng P.

- *Về nuôi con chung*: Giao cho chị Trần Thị Tuyết N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Y và Nguyễn Ph, khi các cháu Y và Ph chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc

không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị Trần Thị Tuyết N không yêu cầu anh Nguyễn Tô Hồng P phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Trần Thị Tuyết N và anh Nguyễn Tô Hồng P không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị Tuyết N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006953 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã AK, tỉnh Gia Lai, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Tô Hồng P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (27/9/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã AK;
- Chi cục THADS TX. AK;
- UBND phường TS, TX. AK, tỉnh Gia Lai (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông